

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày: 07-01-2022
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Hoàng Khương.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06A/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15A/2021/QĐXXST-DS ngày 21/12/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Kim B, sinh năm 1949; Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 và tháng 8 năm 2020 anh Nguyễn Hữu L có hỏi vay tiền của bà nhiều lần, thời gian và số tiền vay cụ thể như sau:

Ngày 12/7/2020 vay 20.000.000 đồng, ngày 26/7/2020 vay 50.000.000 đồng, ngày 02/8/2020 vay số tiền 23.000.000 đồng, ngày 24/8/2020 vay 16.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 109.000.000 đồng, khi vay có thỏa thuận lãi suất có số 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, có số 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ ngày . Sau đó, bà mua tôm giống của anh L với số tiền là 27.727.000 đồng trừ vào tiền vay còn lại 81.273.000 đồng. Từ khi vay thì anh L trả lãi đầy đủ cho bà. Đến ngày (05/5/2021) âm nhằm ngày 14/6/2021 dương lịch đến nay thì anh L không trả lãi nữa. Nên bà Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L phải trả cho bà số tiền vốn gốc còn thiếu là 81.273.000 đồng và số tiền lãi là 40.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/11/2021 Bà Đ thống nhất xác định chỉ yêu cầu anh L trả cho bà số tiền 81.000.000 đồng và trong thời gian anh L thiếu tiền của bà, bà có nhận của mẹ Hữu L là Nguyễn Kim B số tiền 8.000.000 đồng trả tiền thay cho anh Hữu L, bà đồng ý khấu trừ số tiền nhận của bà B qua tiền của anh L thiếu và bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền yêu cầu theo đơn khởi kiện.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Đ yêu cầu Tòa án khấu trừ số tiền nhận của bà B theo yêu cầu của anh L và bà B. Từ đó, xác định anh Hữu L còn thiếu bà Đ số tiền 73.000.000 đồng bà yêu cầu anh L trả số tiền trên cho bà.

** Bị đơn anh Nguyễn Hữu L trình bày:* Vào năm 2020 anh có vay của bà Nguyễn Thị Đ nhiều lần với tổng số tiền vay như bà Đ khởi kiện là 109.000.000 đồng nhưng có khấu trừ số tiền mua tôm càng là 27.727.000 đồng còn lại 81.273.000 đồng. Khi vay có thỏa thuận lãi suất và từ khi vay thì anh trả lãi đầy đủ cho bà Đ. Chỉ có khi dịch bùng phát nhiều làm tôm gặp khó khăn nên anh không có đóng lãi cho bà Đ nữa. Thời gian không đóng lãi cho bà Đ là vào tháng 06 năm 2021 đến nay. Nay anh L xác định còn thiếu bà Đ số tiền 81.000.000 đồng. Nhưng bà Đ có nhận của mẹ anh L là Nguyễn Kim B số tiền là 8.000.000 đồng. Nay anh L yêu cầu bà Đ khấu trừ số tiền 8.000.000 đồng của bà B trả cho bà Đ số còn lại thì anh xin trả hàng tháng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa anh xác định hiện nay còn thiếu bà Đ số tiền vay vốn gốc là 73.000.000 đồng, anh xin được trả 01 tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim B trình bày tại bản tự khai ngày 17/12/2021:* Bà xác định anh Nguyễn Hữu L là con bà nên bà có đứng ra trả tiền thiếu bà Đ thay cho anh L nay bà không yêu cầu anh L trả lại số tiền trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền

và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; bà Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà Đ, bà B là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, Bà Đ và anh L xác nhận vào năm 2020 bà Đ có cho anh L vay nhiều lần với tổng số tiền vốn gốc là 109.000.000 đồng. Sau đó bà Đ mua tôm giống chưa trả tiền và bà B mẹ anh L đã trả cho bà Đ 8.000.000 đồng. Bà Đ, bà B và anh L thống nhất khấu trừ số tiền bà B trả cho bà Đ là 8.000.000 đồng vào số tiền vay anh L thiếu bà Đ và bà Đ không yêu cầu tính lãi số tiền vay anh L thiếu từ tháng 6/2021 đến ngày xét xử. Hiện nay anh L xác định còn thiếu bà Đ số tiền vay vốn gốc là 73.000.000 đồng. Bà Đ yêu cầu anh L trả số tiền trên trong thời hạn 15 ngày, không yêu cầu trả số tiền lãi là 40.000.000 đồng; anh L yêu cầu xin được trả số tiền trên bằng cách trả hàng tháng. Từ đó nên không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Bà Đ và anh L xác định việc anh L thiếu của bà Đ số tiền vay vốn gốc là 73.000.000 đồng chưa trả nên thuộc các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 BLTTDS nên ghi nhận. Bà Đ yêu cầu ông L trả số tiền trên trong thời hạn 15 ngày, anh L yêu cầu được trả dần hàng tháng với số tiền là 3.000.000 đồng, nhưng không được sự đồng ý của bà Đ nên không có cơ sở để chấp nhận. Do anh L đã vi phạm nghĩa vụ của người vay nên việc bà Đ khởi kiện yêu cầu anh L trả số tiền còn thiếu là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc anh L phải trả cho bà Đ số tiền vay vốn gốc còn thiếu là 73.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Về lãi suất các bên thỏa thuận vượt mức quy định của pháp luật nhưng do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những phân tích và nhận định trên căn cứ vào Điều 92, 244 BLTTDS năm 2015; Điều 463, Điều 466 BLDS đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ đối với anh L. Buộc anh L phải trả số tiền vay vốn gốc cho bà Đ là 73.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của bà Đ đối với anh L phần yêu cầu tính lãi với số tiền 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim B có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của bà Đ, bà B không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đ, bà B.

Bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L trả số tiền vay và tiền lãi từ tháng 6/2021 đến ngày xét xử, nên khi thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và bị đơn có nơi cư trú tại khu phố A, thị trấn B, huyện C nên theo quy định Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

[2] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Đ và bị đơn anh L đều thống nhất vào năm 2020 anh L có vay tiền của Đ và hiện nay còn thiếu bà Đ số tiền vay vốn gốc là 73.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 92 (*Quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận đó là sự thật.

[3] Xét yêu cầu của bà Đ thấy rằng: Bà Đ xác định có cho anh L vay tiền vào năm 2020 với số tiền 109.000.000 đồng. Sau khi vay thì có trả lãi đầy đủ đến tháng 6/2021 thì anh L không trả lãi cho bà nữa nên mới phát sinh. Trong thời gian vay tiền bà có mua tôm giống của anh L chưa trả tiền và mẹ anh L là bà B có trả cho anh L 8.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ thì hiện nay anh L còn thiếu bà số tiền 73.000.000 đồng, Nay bà Đ yêu cầu anh L trả số tiền trên bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 40.000.000 đồng. Anh L thừa nhận hiện nay còn thiếu bà Đ số tiền trên nhưng xin được trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng, việc này không được bà Đ đồng ý nên HĐXX không có cơ sở để xem xét cho anh L. Từ đó có căn cứ cho thấy anh L còn thiếu bà Đ số tiền vay vốn gốc chưa trả là 73.000.000 đồng. Nay Bà Đ yêu cầu anh L trả số tiền vay vốn gốc còn thiếu là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466 (*Quy định nghĩa vụ của người vay tài sản*) và Điều 280 (*Quy định về nghĩa vụ trả tiền*) của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, buộc anh Nguyễn Hữu L trả cho bà Đ số tiền vay vốn gốc còn thiếu là 73.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ để chấp nhận một phần, buộc anh Nguyễn Hữu L phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay vốn gốc còn thiếu là 73.000.000 đồng. Về lãi suất các bên thỏa thuận đã vượt mức quy định nhưng do các bên không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 40.000.000 đồng.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí dân sự sơ thẩm 5% của số tiền 73.000.000 đồng là 73.000.000 đồng x 5% = 3.650.000 đồng, bị đơn anh Nguyễn Hữu L chịu toàn bộ.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 466; Điều 280, Điều 11, Điều 468 của Bộ Luật dân sự; Điều 6; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn anh Nguyễn Hữu L.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Hữu L phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền nợ gốc 73.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh L không trả đủ số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Về lãi suất các bên thỏa thuận đã vượt mức quy định nhưng do các bên không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu của bà Đ đối với số tiền lãi 40.000.000 đồng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.650.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.032.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003532 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Vinh